TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST Ngày 24/02/2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Út

Ông Lê Minh Toàn

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 663/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Phương D**, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2022 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T trình bày:

Qua quen biết anh T và chị Nguyễn Phương D đã tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 104, ngày 09/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi lấy nhau thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên anh chị không

còn quan tâm chăm sóc nhau, hai người thường xuyên cãi vã, chị D không chăm lo cho gia đình, không quan tâm chồng con, bản thân anh đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để xây dựng gia đình nhưng không được. Anh T và chị D đã ly thân từ năm 2011 đến nay, chị D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và không còn liên hệ với anh T nữa.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Phương D.

Về con chung: Anh T và chị D có một con chung là Huỳnh Tấn P, sinh ngày 04/4/2006. Hiện cháu P đang sống với anh T, khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản khai ý kiến ngày 10/01/2023 bị đơn chị Nguyễn Phương D trình bày:

Chị D và anh T đã tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 09/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp theo giấy Chứng nhận kết hôn số 104.

Chị D được biết anh T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị. Chị D đồng ý ly hôn với anh Huỳnh Thanh T vì chị cũng không còn tình cảm với anh T nữa, anh T và chị đã ly thân từ năm 2011 đến nay, chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, hai người đã không còn quan tâm chăm sóc nhau và cũng không có ý định hàn gắn hôn nhân.

Về con chung: Chị D và anh T có một con chung là cháu Huỳnh Tấn P, sinh ngày 04/4/2006. Hiện cháu đang sống với cha, khi ly hôn chị D đồng ý giao con cho anh T chăm sóc và nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/01/2023 nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T và bị đơn chị Nguyễn Phương D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh chị vẫn bảo lưu ý kiến theo đơn khởi kiện và bản khai ý kiến đã nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 10/01/2023 nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T và bị đơn chị Nguyễn Phương D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Huỳnh Thanh T và chị Nguyễn Phương D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 104, ngày 09/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của anh T: Anh T trình bày trong thời gian chung sống anh và chị D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị D không chăm lo cuộc sống gia đình mà chỉ lo cho bản thân, không chăm lo cho con, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nhau. Anh T đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai anh chị đã ly thân từ năm 2011 đến nay.

Xét thấy chị D cũng có bản khai ý kiến thống nhất theo yêu cầu ly hôn của anh T. Chị D cũng xác định không còn tình cảm và cũng muốn ly hôn với anh T. Điều này thể hiện anh T và chị D đã không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn đã phát sinh trầm trọng, hai người đã không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng nên anh T yêu cầu ly hôn với chị D là có cơ sở. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị D.

[4] Về con chung: Anh T và chị D có một con chung là cháu Huỳnh Tấn P, sinh ngày 04/4/2006. Xét cháu P đã được anh T chăm sóc và nuôi dưỡng từ thời điểm trước khi anh T và chị D ly thân đến nay. Chị D cũng thống nhất giao cháu P cho anh T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu P cho anh T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Huỳnh Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh T.

1. Về hôn nhân: Anh Huỳnh Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Phương D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Huỳnh Tấn P, sinh ngày 04/4/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Thanh T không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Phương D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Huỳnh Thanh T và chị Nguyễn Phương D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Huỳnh Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004547 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Anh T đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

Ngô Thị Mai Ka